

Thứ sáu, ngày 24 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Lo ngại vì dịch Covid-19, VNIndex giảm mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/07/2020		•	
Tuần 27/7-31/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex ở trong sắc đỏ từ đầu phiên sáng do ảnh hưởng phần nào từ diễn biến kém tích cực của thị trường thế giới. Đến cuối phiên sáng, chỉ số đã giảm mạnh do những thông tin về việc xuất hiện ca nhiễm Covid-19 tại Đà Nẵng và duy trì trạng thái này đến khi kết thúc thời gian giao dịch. Dòng tiền đầu tư giảm mạnh khi không có nhóm ngành nào tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã có phiên mua ròng mạnh trên sàn HSX sau chuỗi ngày bán ròng trước đó. Thanh khoản thị trường tăng mạnh so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tiêu cực cho thấy sự lo lắng về dịch bệnh đã khiến đa số nhà giao dịch bán tháo vào hôm nay. Nếu áp lực bán tiếp tục được duy trì, VNIndex có thể trở về khu vực hỗ trợ 805-815 trong tuần tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các tất cả các hợp đồng..

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_BDS & Khu công nghiệp_-1.8%**

Phân tích kỹ thuật: CII_Chạm ngưỡng hỗ trợ (Trang 3)

Báo cáo nhanh: Cập nhật tình hình COVID19 và ảnh hưởng đến TTCK

Điểm nhấn

- VN-Index **-27.59** điểm, đóng cửa **829.16**. HNX-Index **-4.54** điểm, đóng cửa **109.33**.
- Kéo chỉ số tăng: DAT (+0.04); POM (+0.03); PGD (+0.02); DHG (+0.02); NLG (+0.02).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-2.62); VIC (-1.95); BID (-1.88); VCB (-1.62); VNM (-1.55).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,836 tỷ đồng, +102.91% so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 37.92 điểm. Thị trường có 32 mã tăng, 26 mã tham chiếu và 368 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 257.9 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VRE (66.4 tỷ), NLG (56.1 tỷ) và VHM (47.6 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 4.28 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 829.16Giá trị: 6836.98 tỷ **-27.59 (-3.22%)**

Khối ngoại (ròng): 257.9 tỷ

HNX-INDEX 109.33Giá trị: 623.32 tỷ **-4.54 (-3.99%)**

Khối ngoại (ròng): 4.28 tỷ

UPCOM-INDEX 55.78Giá trị: 0.45 tỷ **-1.54 (-2.69%)**

Khối ngoại(ròng): 12.93 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	41.1	0.07%
Giá vàng	1,893	0.30%
Tỷ giá USD/VND	23,180	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	26,971	0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,801	0.53%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	23.67%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.06%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	66.4	VNM	39.2
NLG	56.1	DXG	35.5
VHM	47.6	GAS	31.3
VCB	45.2	BID	9.2
FUESSVFL	23.9	FUESSV5	6.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Báo cáo ngắn	Trang 7
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 8
Thống kê thị trường	Trang 9
Khuyến nghị dài hạn	Trang 10
Báo cáo mới nhất	Trang 11
iBroker	Trang 12
Khuyến cáo sử dụng	Trang 13

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_-1.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	7/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
BDS & Khu công nghiệp	-1.8%	-1.1%	2.9%	2.9%	2.9%	-6.8%	17.8%
Ngành Dược	-1.9%	-2.1%	4.5%	4.5%	4.5%	-4.3%	18.3%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-2.4%	-2.6%	1.0%	1.0%	1.0%	5.5%	15.7%
FTSE Việt Nam	-2.7%	-3.8%	0.4%	0.4%	0.4%	-10.4%	17.0%
Nước & Năng lượng	-2.9%	-4.0%	4.2%	4.2%	4.2%	-6.7%	16.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-3.0%	-4.5%	0.7%	0.7%	0.7%	-11.9%	16.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	-3.1%	-4.5%	1.6%	1.6%	1.6%	-16.5%	16.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-3.5%	-4.2%	0.7%	0.7%	0.7%	-11.7%	18.3%
VN FinSelect	-3.8%	-5.9%	0.6%	0.6%	0.6%	-9.8%	19.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-3.9%	-6.0%	1.1%	1.1%	1.1%	-10.1%	21.2%
Ngân Hàng	-4.0%	-5.6%	2.3%	2.3%	2.3%	-6.6%	22.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-4.0%	-5.5%	0.7%	0.7%	0.7%	-14.1%	19.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	-4.0%	-2.8%	6.1%	6.1%	6.1%	6.9%	26.0%
VN Diamond	-4.1%	-5.8%	0.4%	0.4%	0.4%	-16.5%	19.9%
Chiến tranh thương mại	-4.1%	-3.5%	1.2%	1.2%	1.2%	-11.1%	18.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-4.3%	-5.7%	0.0%	0.0%	0.0%	-15.7%	21.7%
Vật liệu Xây dựng	-4.4%	-5.3%	0.4%	0.4%	0.4%	-1.6%	20.8%
Đầu tư công	-4.8%	-6.7%	1.5%	1.5%	1.5%	-4.3%	20.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-5.0%	-7.1%	-0.6%	-0.6%	-0.6%	-6.4%	22.7%
Stay-at-home	-5.0%	-6.5%	0.2%	0.2%	0.2%	4.8%	18.0%
Xây dựng	-5.1%	-6.9%	4.7%	4.7%	4.7%	-3.2%	19.8%
Lãi suất giảm	-5.3%	-7.0%	1.8%	1.8%	1.8%	-1.3%	20.1%
Hàng tiêu dùng	-5.4%	-6.8%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-4.7%	20.4%
Dầu khí	-5.4%	-7.3%	-3.0%	-3.0%	-3.0%	-25.9%	25.4%
Corona Avengers	-5.6%	-7.9%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-5.6%	22.1%
Mục tiêu	4/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L11	-2.4%	-3.7%	1.0%	1.0%	1.0%	-9.2%	17.8%
S11	-2.9%	-3.9%	0.4%	0.4%	0.4%	-1.6%	18.8%
M12	-3.0%	-4.2%	-0.3%	-0.3%	-0.3%	-10.1%	20.0%
M22	-3.1%	-3.9%	0.8%	0.8%	0.8%	-4.7%	18.9%
M31	-3.8%	-5.5%	0.8%	0.8%	0.8%	-10.5%	21.5%
L22	-3.8%	-5.4%	-1.3%	-1.3%	-1.3%	-11.3%	20.3%
S21	-3.9%	-5.5%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-13.1%	20.1%
S32	-4.6%	-7.6%	-1.2%	-1.2%	-1.2%	-19.4%	22.7%
L32	-5.1%	-6.0%	2.9%	2.9%	2.9%	-9.1%	
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	-2.9%	-3.5%	0.4%	0.4%	0.4%	-7.7%	17.3%
HIGH3	-3.7%	-4.4%	1.1%	1.1%	1.1%	-3.7%	19.6%
MID1	-3.7%	-5.1%	0.7%	0.7%	0.7%	1.1%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-3.2%	-4.9%	0.5%	0.5%	0.5%	-13.7%	17.0%
VN30INDEX	-3.5%	-5.1%	0.2%	0.2%	0.2%	-12.1%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	7	18	10	15	16	9
Mục tiêu	9	4	5	4	5	4	5
Rủi ro	3	1	2	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 24/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.14	0.17%	1.00%	1.60%	-24.50%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.37	0.14%	0.50%	7.00%	-26.60%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	126.76	0.72%	3.50%	-2.40%	-26.99%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1883.78	-0.19%	4.10%	7.00%	25.49%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	22.66	0.29%	17.20%	29.50%	32.44%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	903.25	0.36%	0.90%	3.30%	-4.39%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	532.50	0.57%	-0.40%	8.50%	0.09%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.43	0.04%	0.70%	9.50%	42.70%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	148.89	-0.04%	1.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.77	-0.76%	-0.20%	-2.40%	-12.62%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	107.50	-0.78%	9.30%	9.70%	-6.36%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6544.50	0.90%	1.70%	10.80%	8.95%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	540.83	0.03%	1.90%	5.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1701.00	0.59%	1.80%	6.60%	-6.85%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.66	-1.71%	1.20%	10.40%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.50	0.00%	-2.40%	-0.60%	-33.29%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent giảm 98 US cent tương đương 2.2% xuống 43.31 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI giảm 83 US cent tương đương 2% xuống 41.07 USD/thùng. Giá dầu giảm 2% khi các nhà đầu tư lo ngại Quốc hội Mỹ có thể không đồng ý về gói kích thích, trong khi số liệu thất nghiệp và số trường hợp nhiễm virus corona tại Mỹ gia tăng gây áp lực giá dầu và thị trường chứng khoán.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.8% lên 1,886.09 USD/ounce, trong phiên có lúc đạt mức cao nhất kể từ tháng 9/2011 (1,897.91 USD/ounce). Vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 1.3% lên 1,890 USD/ounce. Giá vàng tăng hơn 1%, chỉ dưới mức đỉnh 1,900 USD/ounce đôi chút, được thúc đẩy bởi đồng USD suy yếu và kỳ vọng sẽ có nhiều biện pháp kích thích để vực dậy nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi virus corona, trong khi số liệu thất nghiệp tại Mỹ tăng làm gia tăng mối lo ngại về nền kinh tế phục hồi chậm hơn.
- Số người Mỹ nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp trong tuần trước bất ngờ tăng – lần đầu tiên – trong gần 4 tháng, cho thấy thị trường lao động đang bị đình trệ, trong bối cảnh số trường hợp nhiễm bệnh mới gia tăng.

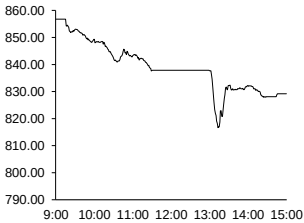
Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên giảm 0.3% xuống 845.5 CNY (120.87 USD)/tấn. Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn Singapore tăng 0.7% lên 108.1 USD/tấn. Trên sàn Thượng Hải giá thép cây tăng 0.5%, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.8%.

Giá nông sản

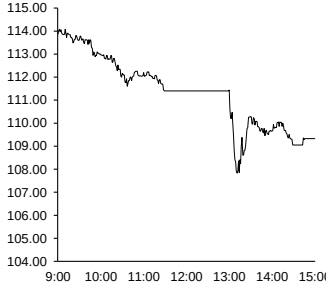
- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 trên sàn London giảm 7 USD tương đương 0.5% xuống 1,350 USD/tấn, trong khi robusta giao cùng kỳ hạn trên sàn ICE giảm 0.85 US cent tương đương 0.8% xuống 1.075 USD/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE giảm 0.09 US cent tương đương 0.8% xuống 11.77 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 2 USD tương đương 0.6% xuống 357 USD/tấn.
- Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm tăng lên 450-482 USD/tấn, so với 440-455 USD/tấn tuần trước đó. Đối với loại 5% tấm, giá gạo Việt Nam dao động 440-450 USD/tấn so với 435-457 USD/tấn tuần trước đó. Tại Ấn Độ, gạo 5% tấm không thay đổi ở mức 377-382 USD/tấn, trong khi nông dân mở rộng diện tích gieo trồng lúa vụ hè.

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-5.58%
Truyền thông	-4.37%
Bán lẻ	-4.30%
Tài nguyên Cơ bản	-4.21%
Bảo hiểm	-4.18%
Du lịch và Giải trí	-4.18%
Dịch vụ tài chính	-4.16%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-4.12%
Hóa chất	-3.77%
Công nghệ Thông tin	-3.68%
Nghân hàng	-3.44%
Xây dựng và Vật liệu	-3.33%
Điện, nước & xăng dầu khí	-3.32%
Thực phẩm và đồ uống	-3.22%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.07%
Bất động sản	-2.54%
Dầu khí	-2.10%
Y tế	-1.29%
Viễn thông	0.00%

Nguồn: FlinPro

Phân tích kỹ thuật

CII_Chạm ngưỡng hỗ trợ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: Trong phiên giảm mạnh thị trường, CII đã có một dòng tiền bắt đáy khá mạnh khi thủng vùng giá 17.0. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng đảo chiều của cổ phiếu. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng hồi phục trong khi và chỉ báo MACD đang ủng hộ xu hướng tích lũy này. Đường giá cổ phiếu nằm dưới dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá chưa hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung và dài hạn có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 18.0 và chốt lãi tại ngưỡng giá 22.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 17.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

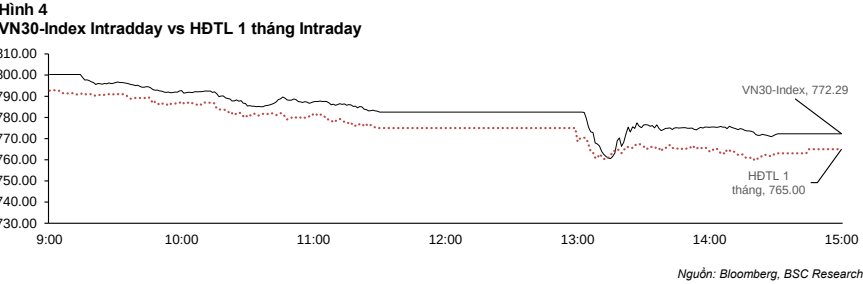
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	12.5	1	-6.02%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	10.7	2	-2.28%	Có thể tiếp tục mua
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	10.4	3	1.96%	Có thể tiếp tục mua
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	23	9	-9.45%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	11	11	-7.56%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	13.5	14	-6.57%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	30.5	15	0.00%	Có thể tiếp tục mua
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	45.9	18	-1.92%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.8	23	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	11.15	25	-1.76%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	31	39	27.5	30.3	30	-2.26%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/23/2020	FCN	10.8	14	9.5	9.72	31	-10.00%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/18/2020	HPG	26.8	32	24	26.85	36	0.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	76	38	1.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/12/2020	STB	11.8	13	10.5	10.9	42	-7.63%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	35.75	49	-3.90%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	SL	28	-16.67%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	5	11	0.72%	-5.40%	-3.48%	22
Cổ phiếu đã chốt	7	12	12.93%	-8.30%	-0.48%	12

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	765.00	-4.03%	-7.29	33.4%	234,252	8/20/2020	27
VN30F2009	764.00	-3.80%	-8.29	108.9%	965	9/17/2020	55
VN30F2012	760.00	-3.50%	-12.29	244.9%	369	12/17/2020	146
VN30F2103	760.70	-1.99%	-11.59	1563.3%	499	3/18/2021	237

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

- Nhận định:**
- VN30 Index giảm mạnh -28.00 điểm, xuống mức 772.29 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, TCB, VNM, MWG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giảm tiêu cực trong phiên sáng xuống dưới 785 điểm. VN30 mở rộng biên độ giảm đầu phiên chiều xuống gần 760 điểm, giằng co quanh 775 điểm cuối phiên. Thanh khoản tăng mạnh, VN30 có thể tiếp tục điều chỉnh giảm xuống quanh 760 điểm trong những phiên tiếp theo.
 - Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 795 điểm cho các tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CNVL2002	3/10/2021	229	5:1	148,000	17.82%	2,000	2,970	-1.33%	1,261	2.35	69,889	59,889	62,900
CSTB2004	11/30/2020	129	1:1	244,230	41.93%	1,400	1,310	-8.39%	1,119	1.17	12,400	11,000	10,900
CSTB2002	12/16/2020	145	1:1	197,560	41.93%	1,700	1,290	-10.42%	842	1.53	13,588	11,888	10,900
CREE2003	10/29/2020	97	5:1	279,450	28.42%	1,000	920	-12.38%	720	1.28	35,000	30,000	32,500
CVNM2003	9/4/2020	42	10:1	459,710	31.50%	1,450	2,110	-12.81%	1,786	1.18	107,280	92,780	111,100
CHPG2005	10/1/2020	69	1:1	35,100	37.03%	2,100	7,820	-13.88%	8,037	0.97	21,100	19,000	26,850
CFPT2003	11/9/2020	108	1:1	58,250	32.33%	7,300	7,830	-14.14%	1,905	4.11	57,300	50,000	45,900
CHPG2009	10/29/2020	97	2:1	233,560	37.03%	1,600	2,780	-15.50%	2,513	1.11	25,700	22,500	26,850
CVHM2003	10/29/2020	97	10:1	480,030	36.81%	1,000	1,180	-15.71%	959	1.23	80,000	70,000	76,000
CHPG2010	4/5/2021	255	4:1	242,200	37.03%	1,800	1,060	-15.87%	400	2.65	40,300	33,100	26,850
CVHM2002	11/30/2020	129	1:1	93,560	36.81%	11,500	8,610	-16.16%	6,751	1.28	88,500	77,000	76,000
CVNM2002	12/16/2020	145	5:1	359,260	31.50%	3,200	830	-17.00%	331	2.51	155,285	139,285	111,100
CMBB2006	10/29/2020	97	2:1	307,630	34.57%	1,100	860	-18.10%	635	1.35	18,700	16,500	16,500
CHPG2008	11/30/2020	129	1:1	173,880	37.03%	4,100	2,710	-19.58%	2,057	1.32	32,100	28,000	26,850
CHPG2002	12/16/2020	145	3:1	415,180	37.03%	1,700	1,370	-19.88%	760	1.80	33,399	29,999	26,850
CMWG2009	10/23/2020	91	8:1	270,790	39.95%	1,600	1,000	-20.00%	686	1.46	94,800	82,000	79,200
CCTD2001	12/16/2020	145	10:1	167,550	56.02%	1,540	1,440	-20.88%	807	1.78	96,288	80,888	73,600
CVIC2001	12/16/2020	145	5:1	586,840	32.81%	2,700	520	-21.21%	86	6.03	139,968	126,468	88,000
CTCB2004	8/18/2020	25	2:1	317,080	37.31%	1,050	1,370	-21.71%	1,307	1.05	19,100	17,000	19,500
CFPT2004	8/10/2020	17	1:1	52,180	32.33%	5,100	4,760	-23.10%	189	25.14	55,100	50,000	45,900
Tổng				5,069,860	36.05%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Nhận định:**
- Trong phiên giao dịch ngày 24/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
 - Về giá, CMWG2005 và CVJC2003 giảm mạnh lần lượt là -35.89% và -33.98%. Giá trị giao dịch giảm -43.71%. CVNM2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.81% thị trường.
 - CHPG2005, CTCB2004, CVRE2005, CVPB2006, và CHPG2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005, CHPG2006 và CHPG2009 cũng là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Báo cáo nhanh: Cập nhật tình hình COVID19 và ảnh hưởng đến TTCK

Hiệu ứng giảm đối với tin Covid

Sau khi thực hiện so sánh với làn sóng Covid thứ 2 ở các Quốc gia lân cận, cụ thể là trường hợp của Nhật Bản và Hồng Kông để dự báo về ảnh hưởng của tin tức Covid lần này đến thị trường chứng khoán Việt Nam, chúng ta có thể nhận định:

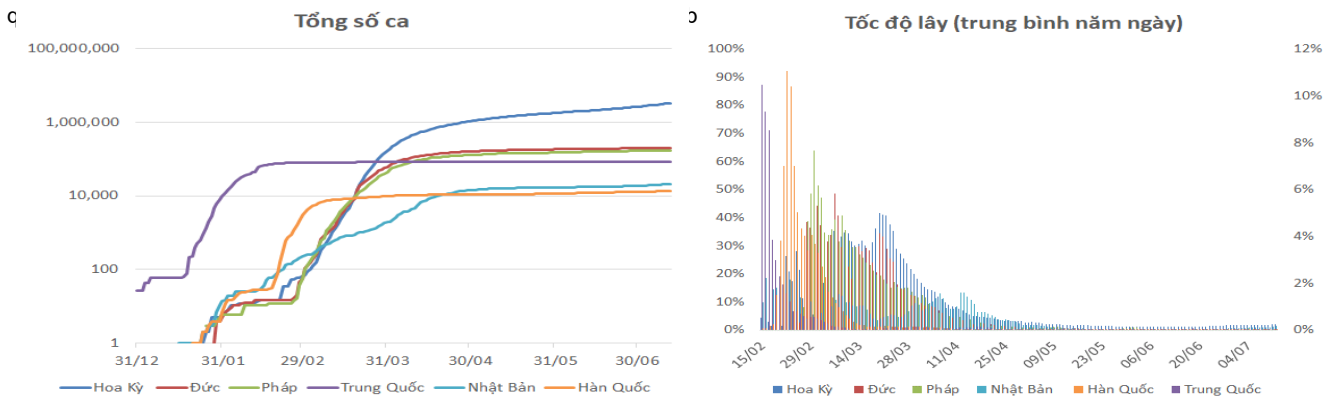
Nếu xuất hiện làn sóng Covid thứ 2 ở Việt Nam thì tác động của nó đối với thị trường tiềm năng sẽ không nhiều như với khoảng thời gian đầu diễn ra dịch bệnh. Trong trường hợp VNIndex diễn biến tương tự như Hangseng thì chỉ số ước tính sẽ dờ về khu vực 770-780 điểm, và đây cũng là vùng hỗ trợ của chỉ số nên có thể xuất hiện lực cầu bắt đáy tại vùng này khi sự lo lắng về dịch bệnh được lắng dịu. Về mặt thời gian, sự biến động của thị trường có thể được duy trì tương đương hoặc ngắn hơn giai đoạn dịch leo thang trong tháng 3, theo dự kiến có thể là khoảng 2-3 tuần.

Cập nhật thông tin mới đối với Covid

Việt Nam: Sau một thời gian dài không có ca nhiễm mới, Việt Nam đã có một ca nhiễm nội địa mới tại Đà Nẵng vào ngày 22/07/2020.

Thế giới: Với hơn 15.6 triệu ca mắc COVID-19 trên toàn cầu, theo thống kê của trang worldometers sáng ngày 24-7, đến nay thế giới đã có hơn 635,000 người tử vong. Khoảng 9.5 triệu người đã hồi phục.

Vaccine COVID 19: Đến nay, trong hơn 150 loại vaccine COVID-19 được nghiên cứu phát triển trên thế giới, hơn 20 loại đang trong



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thống kê thị trường, ngành, và cổ phiếu bị ảnh hưởng mạnh trong quá khứ

Đối với các TTCK chủ chốt, giai đoạn tốc độ lây lan trên 5%, TTCK Australia (-29.02%), Hoa Kỳ (-14.15%), Đức (-16.45%), Hàn Quốc (-11.19%), Nhật Bản (-19.08%), Trung Quốc (-3.62%).

Giai đoạn phát hiện ca bệnh đầu tiên tới khi bắt đầu giãn cách xã hội, VN-Index giảm -31.39%.

Top 3 ngành ít bị ảnh hưởng nhiều nhất là: Công nghệ thông tin (-29.1%), Năng lượng (-28.9%) và Tài chính (-25.8%).

Top 3 ngành bị ảnh hưởng ít nhất trong dịp COVID 19 là: Dịch vụ truyền thông (0.6%), Nguyên vật liệu (-11.7%) và Tiện ích (-12.6%).

Phân tích kỹ thuật VNIndex:

VN-Index mất điểm sâu sau khi không thể vượt qua được vùng kháng cự tại 875 điểm cũng như chịu ảnh hưởng từ tin tức của dịch Covid và dần hướng đến kiểm tra lại SMA20. Thanh khoản trong xu hướng giảm ngắn hạn hiện tại có chiều hướng tăng dần nên nhiều khả năng áp lực bán có thể tiếp tục tồn tại trong những phiên tới. Nếu ngưỡng hỗ trợ 805 bị phá vỡ thì biến động dò đáy sẽ khó lường trở lại.



Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	79.2	-4.6%	1.2	1,559	6.3	8,808	9.0	2.7	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	56.0	-5.1%	1.3	548	2.3	4,629	12.1	2.5	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	43.6	-5.0%	1.3	1,407	1.6	1,307	33.4	1.7	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.3	-3.2%	0.4	294	0.1	2,654	11.4	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.0	-2.2%	0.8	12,941	2.6	2,095	42.0	3.7	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	28.0	-1.2%	1.1	2,761	5.7	1,226	22.8	2.4	30.8%	10.3%
VHM	Bất động sản	76.0	-3.6%	1.3	10,870	8.8	7,825	9.7	4.0	20.1%	47.9%
DXG	Bất động sản	9.4	-7.0%	1.3	213	4.8	1,672	5.6	0.7	40.4%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.3	-4.0%	1.3	374	6.1	1,415	10.1	0.8	49.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.5	-4.4%	1.0	154	1.4	4,240	5.1	0.9	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.3	-6.0%	1.7	229	2.7	1,608	10.7	1.2	51.9%	11.5%
FPT	Công nghệ	45.9	-3.9%	0.8	1,564	6.4	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	47.3	-2.1%	0.4	512	0.0	4,812	9.8	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.3	-3.9%	1.5	5,684	3.5	5,138	13.3	2.5	3.3%	20.4%
PLX	Dầu khí	45.4	-1.3%	1.5	2,380	1.7	789	57.6	2.9	14.6%	4.6%
PVS	Dầu khí	11.8	-5.6%	1.5	245	3.2	1,238	9.5	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.4	-7.2%	0.8	863	1.3	898	7.1	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.4	0.6%	0.5	531	0.1	5,044	18.5	3.8	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.3	-4.0%	0.4	242	2.5	1,586	9.0	0.7	10.8%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.4	-4.4%	0.4	193	1.0	415	20.2	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	81.0	-1.8%	1.1	13,062	4.7	4,915	16.5	3.4	23.7%	22.0%
BID	Ngân hàng	38.2	-4.1%	1.4	6,680	3.0	2,140	17.8	2.0	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	-4.7%	1.2	3,602	8.3	2,510	8.9	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.2	-5.8%	1.2	2,247	6.5	4,126	5.1	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	16.5	-3.2%	1.0	1,730	6.0	3,398	4.9	0.9	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.2	-4.1%	0.9	1,677	5.6	3,750	6.2	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	50.5	-3.8%	0.9	180	0.6	5,303	9.5	1.6	81.7%	17.0%
NTP	Nhựa	28.4	-5.6%	0.4	145	0.1	3,348	8.5	1.3	18.9%	16.0%
MSR	Tài nguyên	14.5	-4.0%	0.4	624	0.0	356	40.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	26.9	-4.8%	1.1	3,223	25.3	2,764	9.7	1.5	36.0%	17.4%
HSG	Thép	10.5	-5.0%	1.4	202	8.3	1,493	7.0	0.8	11.0%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	111.1	-2.7%	0.7	8,412	11.2	5,453	20.4	6.4	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	181.1	-3.6%	0.8	5,049	1.9	6,719	27.0	6.7	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	52.0	-3.5%	1.0	2,643	4.7	3,961	13.1	1.4	38.8%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.6	-1.4%	0.8	371	1.9	171	85.2	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	56.2	-2.3%	0.8	5,319	0.8	3,450	16.3	3.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	103.8	-3.8%	1.1	2,364	1.6	7,110	14.6	3.6	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	24.4	-5.6%	1.7	1,502	1.0	1,654	14.7	1.9	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.6	-4.4%	0.9	240	0.3	1,583	11.7	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	9.6	-6.8%	1.1	117	1.0	2,117	4.5	0.6	22.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.8	-5.0%	1.0	397	0.9	8,219	7.2	2.8	2.8%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.4	-3.7%	0.7	377	1.0	1,453	13.3	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.0	-6.1%	1.0	216	0.4	1,937	6.7	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	73.6	-7.0%	1.0	244	4.6	8,467	8.7	0.7	45.9%	7.9%
CII	Xây dựng	18.0	1.1%	0.3	187	2.0	1,775	10.1	0.8	37.1%	8.5%
REE	Điện	32.5	-3.3%	-1.4	438	1.1	4,976	6.5	1.0	49.0%	16.0%
PC1	Điện	17.7	-4.3%	-0.4	123	1.3	2,268	7.8	0.8	16.5%	10.7%
POW	Điện	9.3	-3.5%	0.6	948	3.5	1,028	9.1	0.8	11.2%	9.4%
NT2	Điện	21.0	-3.2%	0.5	263	0.5	2,685	7.8	1.3	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.5	-6.3%	0.8	276	2.6	1,880	7.2	0.7	20.8%	9.5%
BCM	Khu công nghiệp	26.6	0.0%	0.9	1,197	0.0	2,332	11.4	1.9	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	38.55	6.93	0.03	450.00
POM	5.10	6.03	0.02	32910.00
PGD	31.90	2.90	0.02	5620.00
DHG	93.40	0.65	0.02	18610.00
NLG	25.70	0.98	0.02	2.48MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-2.67	2.65MLN	1.11MLN
VIC	0.00	-1.93	674430.00	607060.00
BID	0.00	-1.89	1.81MLN	373600.00
VCB	0.00	-1.59	1.34MLN	192700.00
VNM	0.00	-1.54	2.31MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	13.10	6.94	0.00	4540.00
DAT	38.55	6.93	0.03	450.00
SGR	18.85	6.80	0.02	10.00
TNC	24.90	6.41	0.01	8390.00
VID	12.10	6.14	0.01	53640.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TLG	35.00	-10.03	-0.09	142940.00
LGC	45.20	-7.00	-0.19	20.00
DXG	9.44	-7.00	-0.11	11.41MLN
UDC	4.92	-6.99	0.00	156130.00
HBC	9.58	-6.99	-0.05	8.27MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIX	8.90	5.95	0.05	1.19MLN
SCI	37.70	9.91	0.02	157200.00
SHN	7.20	1.41	0.01	9600.00
HVT	34.70	9.46	0.01	1600.00
CTX	8.70	6.10	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-4.13	-1.59	5.53MLN
SHB	11.30	-7.38	-1.35	3.03MLN
PVS	11.80	-5.60	-0.17	6.07MLN
SHS	10.40	-9.57	-0.16	6.14MLN
VCS	58.80	-5.01	-0.10	344600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

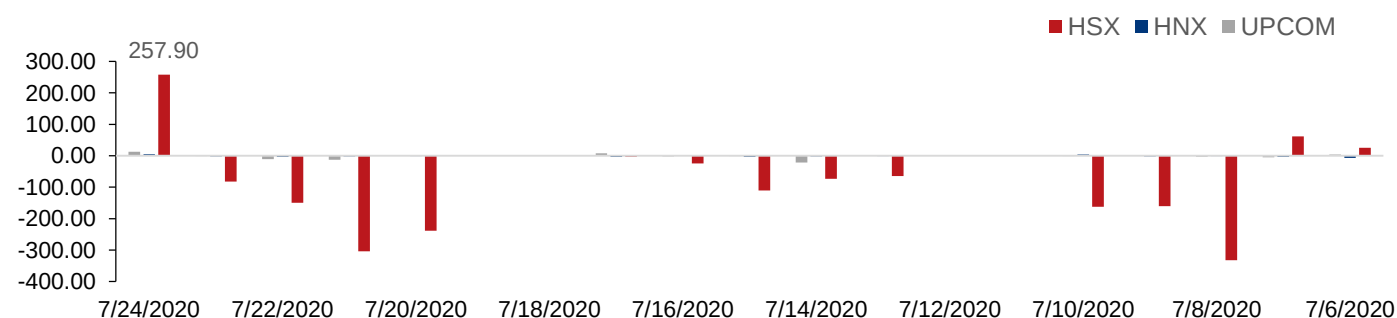
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKT	6.60	10.0	0.00	200.00
SCI	37.70	9.9	0.02	157200.00
DNC	59.90	9.9	0.01	700.00
QHD	21.40	9.7	0.01	8400.00
CAN	24.80	9.7	0.01	1500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.50	-16.67	0.00	790500.00
HKB	0.70	-12.50	0.00	345100.00
VIG	0.70		0.00	1.21MLN
FID	0.90	-10.00	0.00	107000.00
NBW	18.00	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



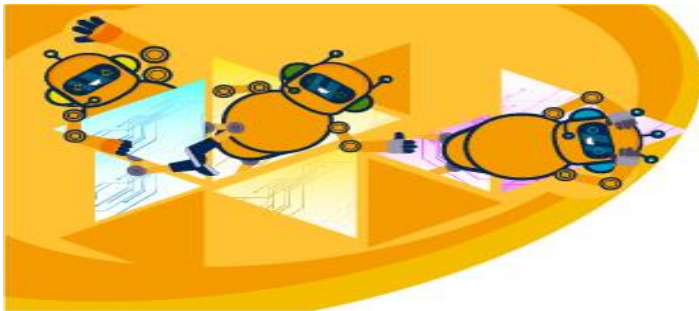
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.7	3,321	7.7	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	21.2	4,126	5.1	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	49.3	9,642	5.1	1.4	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	52.0	3,961	13.1	1.4	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	40.4	5,365	7.5	1.4	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.5	1,493	7.0	0.8	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	42.7	5,479	7.8	2.1	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	22.8	1,902	12.0	1.9	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.9	2,764	9.7	1.5	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.5	2,987	6.5	1.1	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	56.0	4,629	12.1	2.5	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	132.0	5,718	23.1	8.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.4	1,672	5.6	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	14.6	1,496	9.8	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	18.8	7,637	2.5	0.9	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.1	5,311	4.0	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	39.5	4,761	8.3	1.7	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.0	4,915	16.5	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.2	3,750	6.2	1.3	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.8	6,553	5.5	1.3	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	52.7	5,877	9.0	2.7	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	45.9	4,804	9.6	2.1	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	18.6	1,583	11.7	0.9	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.5	1,880	7.2	0.7	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	181.1	6,719	27.0	6.7	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.4	1,780	13.7	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	111.1	5,453	20.4	6.4	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.9	1,781	6.7	0.7	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	79.2	8,808	9.0	2.7	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	16.1	2,048	7.9	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	93.4	5,044	18.5	3.8	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.6	2,117	4.5	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	56.0	4,629	12.1	2.5	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	30.3	4,313	7.0	1.4	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	198.6	14,782	13.4	5.5	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	9.7	0	13.9	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	10.4	1,671	6.2	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.7	2,268	7.8	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.8	-218	#N/A	2.8	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	30.3	2,986	10.1	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn